Biểu số: 05.1- ĐHCĐ

Ban hành theo Thông tư

số 39/2011/TT-BGDĐT ngày 15/9/2011 và

TT 41/TT-BGDĐTngày 22/9/2011 của Bộ trưởng

Ngày nhận báo cáo: 31/12

Số cán bộ, giảng viên, nhân viên

Năm học 2015- 2016

Đơn vị báo cáo: Trường ĐH Nông Lâm Tp.HCM

	Tổng số	Trong đó							Chia theo trỡnh độ đào tạo											
		Dân tộc ít người			Giỏo sư	Tr.đó: Nữ	Phú giỏo sư	Tr.đó: Nữ	TSKH và Tiến sĩ	Tr.đó: Nữ	Thạc sĩ	Tr.đó: Nữ	CK Y cấp I, II	Tr.đó: Nữ	Đại học	Tr.đó: Nữ	Cao đẳng	Tr.đó: Nữ	Khác	Tr.đó: Nữ
		Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ																
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Tổng số: (I+II)	**885**	**406**	**3**	**1**			**23**	**1**	**121**	**30**	**321**	**150**			**312**	**168**	**17**	**9**	**114**	**49**
I- Cán bộ, nhân viên:	**396**	**172**	**0**	**0**	**0**	**0**	**18**	**1**	**69**	**14**	**64**	**21**	**0**	**0**	**132**	**79**	**17**	**9**	**114**	**49**
1- Cán bộ quản lý	132	29					18	1	68	14	**55**	14			**9**	1				
Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy	124	27					18	1	68	14	50	12			6	1				
2- Cán bộ hành chính, nghiệp vụ, phục vụ	232	113							1		9	7			122	**77**	17	9	83	20
Trong đó: Kiêm nhiệm giảng dạy																				
3- Nhân viên phục vụ	32	30													1	1			31	29
II- Giảng viên	**489**	**234**	**3**	**1**	**0**	**0**	**5**	**0**	**52**	**16**	**257**	**129**	**0**	**0**	**180**	**89**				
1. Cơ hữu	489	234	3	1	0	0	5	0	52	16	257	129	0	0	180	89				
2. Hợp đồng có thời hạn																				
3. Thử việc																				
Giảng viên chia theo độ tuổi:																				
Dưới 30 tuổi	132	78									36	19			97	59				
Từ 31 đến 35	189	105	3	1					8	4	130	73			51	28				
Từ 36 đến 40	73	29							11	5	47	23			15	1				
Từ 41 đến 45	27	13					1		10	5	16	8			1	0				
Từ 46 đến 50	15	4							4	1	8	3			3					
Từ 51 đến 55	16	5							4	1	5	3			6	1				
Từ 56 đến 60	34	0					1	0	12	0	15	0			7	0				
Trên 60 tuổi	3						3	0	3											
Danh hiệu: - Nhà giáo nhân dân	1						1		1											
- Nhà giáo ưu tú	2	0					2		2											
III-Giảng viên thỉnh giảng																				